

QUẢN TRỊ PHẠM VI DỰ ÁN

Giảng viên: Cao Thị Nhâm

nhamct@due.edu.vn





Nội dung chính

- Các khái niệm
- Scope planning
- Scope definition
- WBS (**W**ork **B**reakdown **S**tructure)
- Scope verification
- Scope control



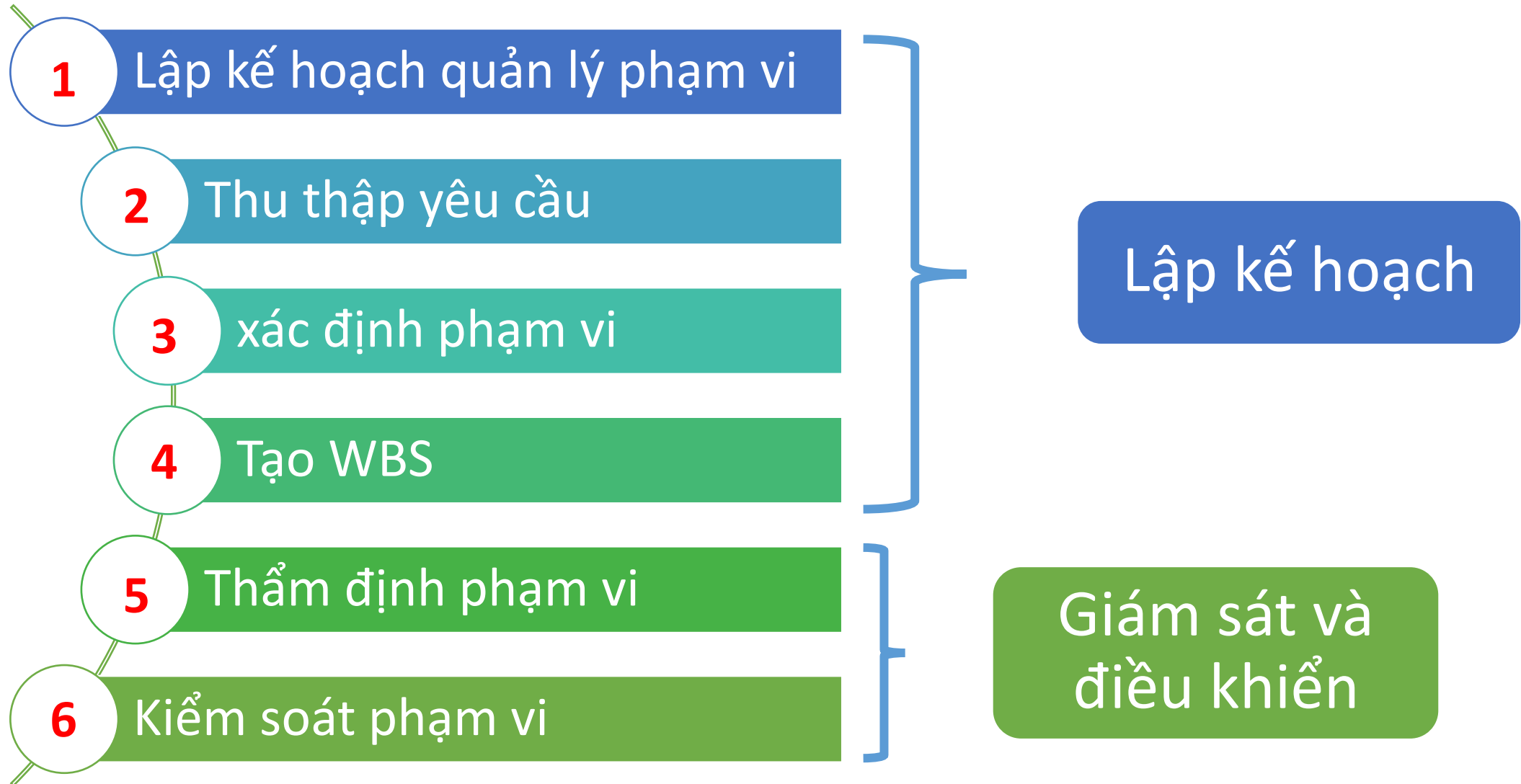
Các khái niệm

- Phạm vi: tất cả những công việc có liên quan tới việc tạo ra các sản phẩm của dự án và các quy trình được sử dụng để tạo ra những sản phẩm đó.
- **Quản lý phạm vi** bao gồm những quy trình liên quan tới việc **định nghĩa** và **điều khiển** những **công việc** dự án sẽ thực hiện hoặc không thực hiện.



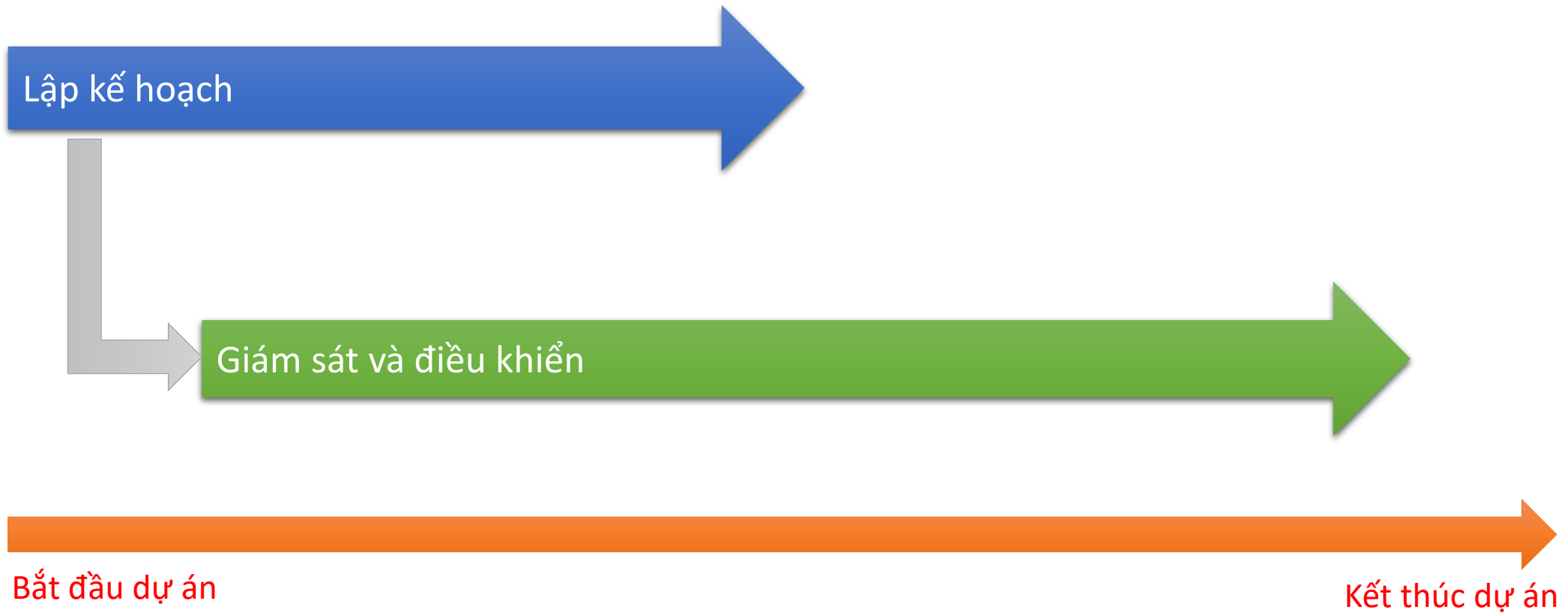


Các quy trình trong quản lý phạm vi





Các quy trình trong quản lý phạm vi (tt)



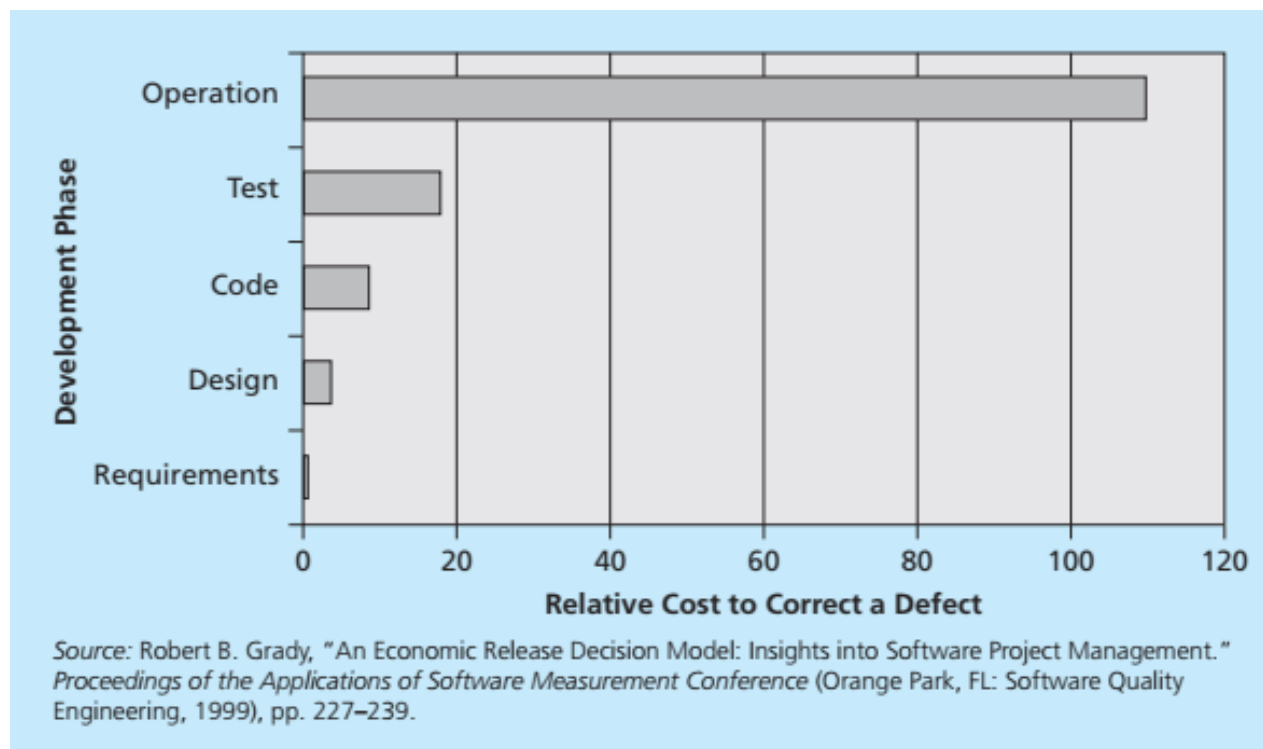
- Output:
 - Kế hoạch quản lý phạm vi
 - Kế hoạch quản lý yêu cầu
- Các dự án nhỏ có thể bỏ qua quy trình này
- Kế hoạch quản lý phạm vi bao gồm các thông tin sau:
 - Làm thế nào để trình bày phạm vi một cách chi tiết: có template/guideline?
 - Làm thế nào để tạo WBS?
 - Làm thế nào để cập nhật và kiểm soát WBS?
 - Làm thế nào đạt được sự chấp nhận các sản phẩm bàn giao?
 - Làm thế nào điều khiển được những yêu cầu thay đổi phạm vi?

- Kế hoạch quản lý yêu cầu bao gồm các thông tin sau:
 - How to plan, track, and report requirements activities
 - How to perform configuration management activities
 - How to prioritize requirements
 - How to use product metrics
 - How to trace and capture attributes of requirements

2

Thu thập yêu cầu

- Là công việc khó và quan trọng nhất trong quản lý phạm vi
- Yêu cầu càng chính xác thì chi phí sửa lỗi ở các giai đoạn sau càng thấp



3

xác định phạm vi

- Input:
 - Project charter
 - Kế hoạch quản lý phạm vi
 - Tài liệu yêu cầu
 - Asset về quy trình tổ chức
- Output:
 - Khai báo phạm vi dự án
 - Cập nhật các tài liệu dự án
- Khai báo phạm vi dự án ít nhất phải có:
 - Mô tả phạm vi sản phẩm
 - Tiêu chí người dùng chấp nhận sản phẩm
 - Thông tin chi tiết về các sản phẩm bàn giao

4

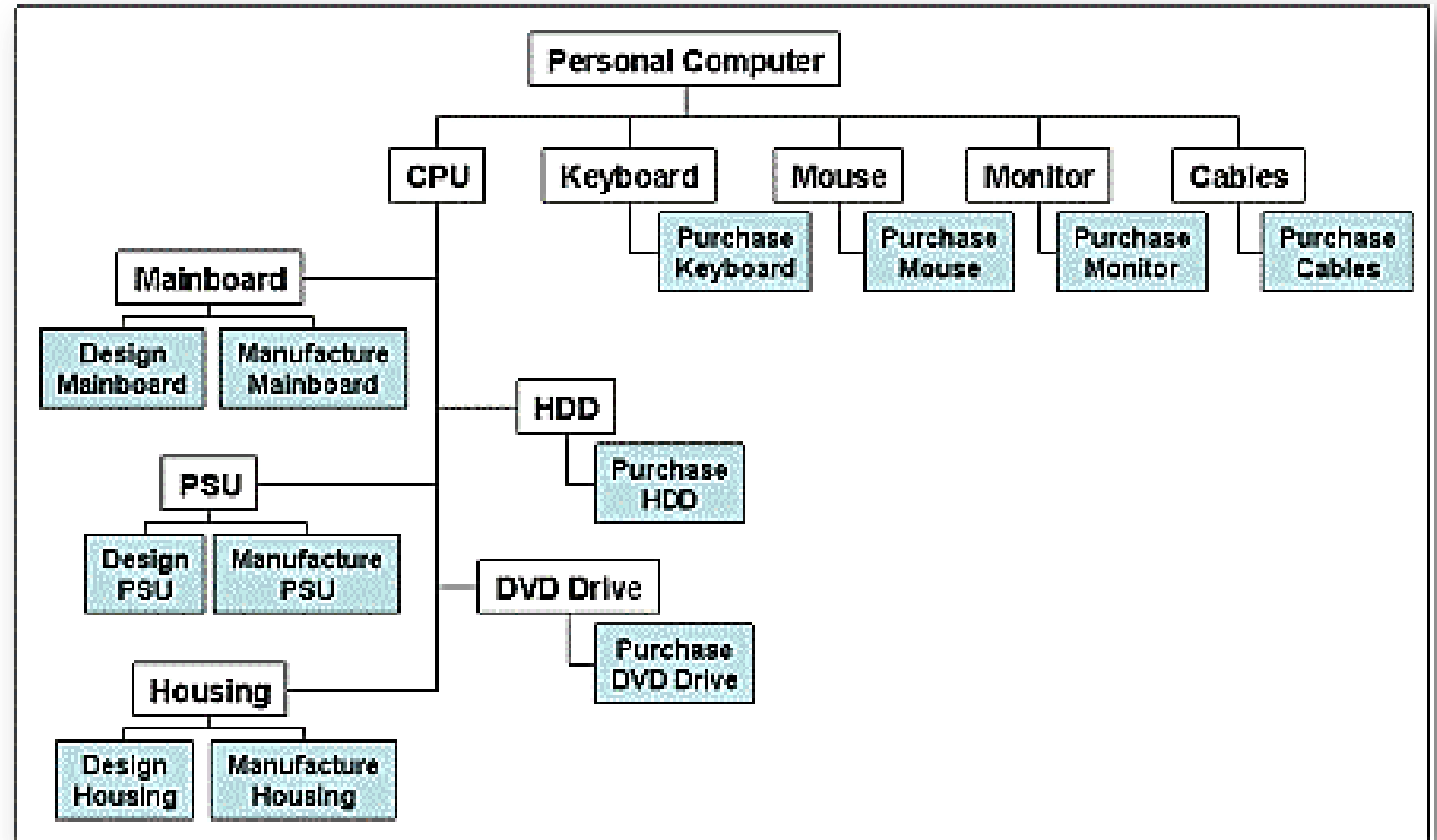
Tạo WBS (Work Breakdown Structure)

- Phân chia công việc thành các thành phần nhỏ và có tính phân cấp, được thực hiện bởi nhóm dự án
- WBS cung cấp:
 - Liệt kê các công việc cần làm, tập trung vào các sản phẩm bàn giao
 - Thể hiện theo cấu trúc hình cây mối quan hệ giữa các sản phẩm bàn giao và công việc liên quan
- WBS không cung cấp:
 - Kế hoạch dự án, schedule, liệt kê công việc theo thứ tự thời gian
 - Mối quan hệ giữa các công việc

4

Tạo WBS (Work Breakdown Structure) (tt)

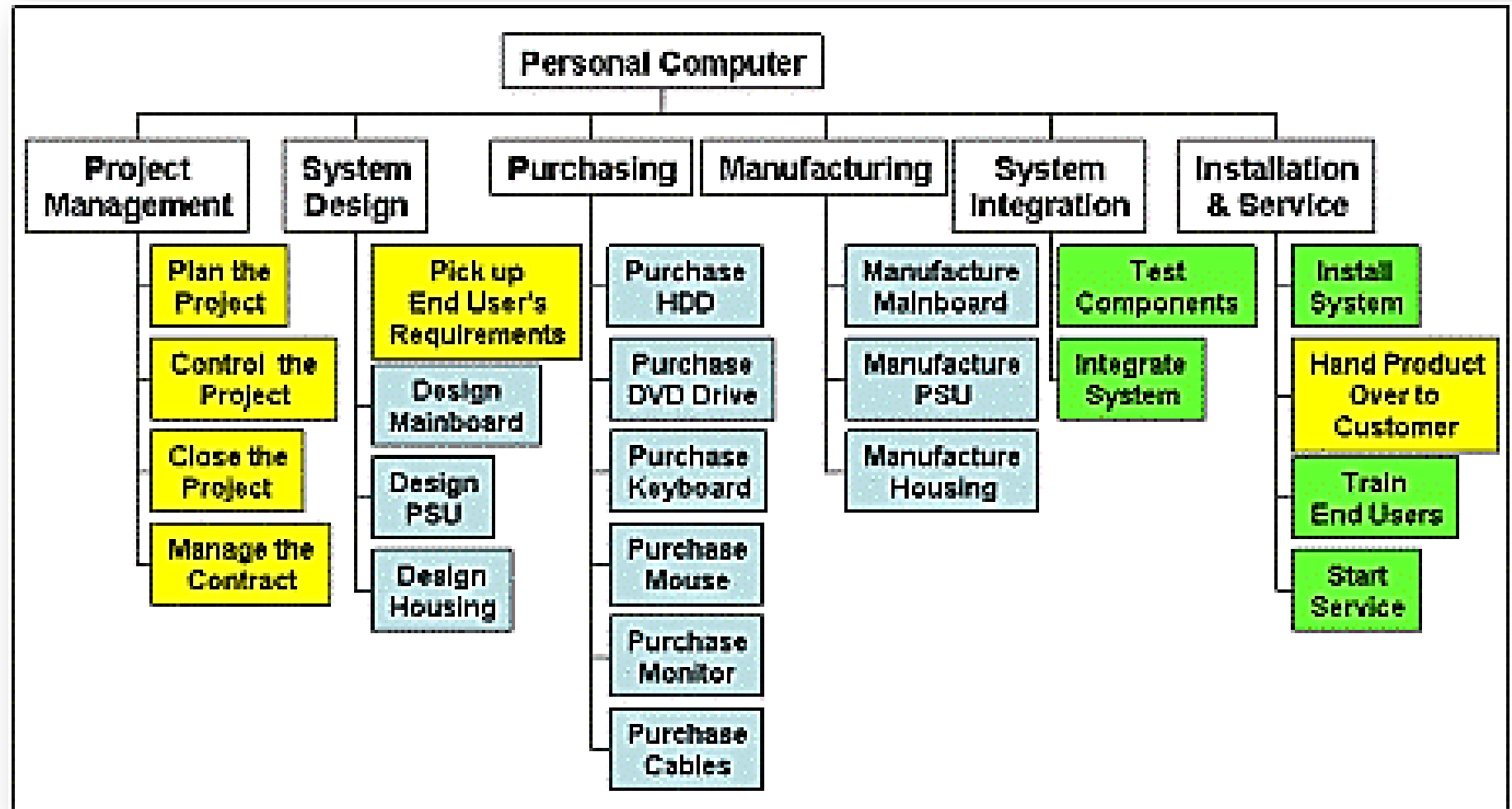
• Product oriented



4

Tạo WBS (Work Breakdown Structure) (tt)

- Process oriented



4

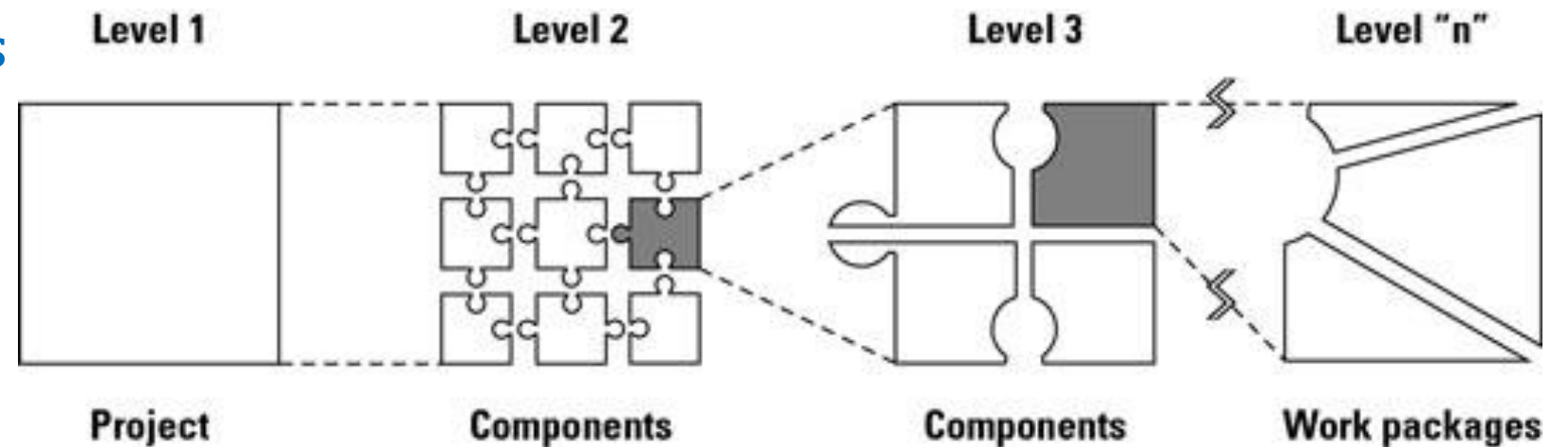
Tạo WBS (Work Breakdown Structure) (tt)

- WBS dùng để:
 - “Map” kì vọng của khách hàng với những sản phẩm bàn giao và công việc cần làm
 - Cải thiện giao tiếp giữa các bên liên quan
 - Ước lượng
 - Quản lý tài nguyên
 - Nhìn nhận rủi ro
 - Là cơ sở để “map” giữa yêu cầu, kế hoạch, kiểm thử và sản phẩm bàn giao
 - Ngăn ngừa: quên việc hoặc không nhìn thấy việc

4

Tạo WBS (Work Breakdown Structure) (tt)

- Cách phân chia công việc
 - Product subsystems
 - Product components
 - Product functions
 - Organization
 - Life-cycle phases
 - Geography



4

Tạo WBS (Work Breakdown Structure) (tt)

- Làm thế nào để chia công việc tốt?
 - Sử dụng “guidelines”
 - Sử dụng các dự án tương tự
 - Sử dụng cách chia “bottom-up” hoặc “top-down”
 - Sử dụng “mind-map”

4

Tạo WBS (Work Breakdown Structure) (tt)

- Bài tập

Tạo WBS cho việc: **chuẩn bị bữa tiệc sinh nhật**

- Thẩm định phạm vi liên quan đến sự chấp thuận chính thức các sản phẩm bàn giao
- Khách hàng sẽ kiểm tra và kí xác nhận vào các sản phẩm bàn giao

- Thay đổi là điều không thể tránh khỏi của dự án
- Mục đích của kiểm soát phạm vi là quản lý những thay đổi liên quan tới phạm vi của dự án
- Muốn kiểm soát tốt phải thu thập yêu cầu, xác định phạm vi và thẩm định phạm vi tốt



CASE STUDY

- Dựa vào requirements, hãy tạo WBS cho dự án
- Dùng Microsoft Project biểu diễn WBS đó



